

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2023/DS-ST**

Ngày: 31-5-2023

“V/v Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Mầm, bà Nguyễn Thị Tạc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Số X đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trung P, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số XX đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đình H1, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Chu Anh D, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số Y đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn z, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày như sau: Do có quen biết và tin tưởng lẫn nhau nên vào ngày 05/01/2022 bà H có cho ông P vay số tiền 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*). Khi vay các bên có lập Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của ông P. Bà H và ông P thỏa thuận: thời hạn vay từ ngày 05/01/2022 đến ngày 15/10/2022, lãi suất 5.000.000 đồng/tháng (*Năm triệu đồng trên tháng*), trả lãi hàng tháng. Ông P đã trả cho bà H được 8 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Đến thời hạn trả nợ bà H đã nhiều lần gặp và yêu cầu ông P phải trả số tiền vay nhưng ông P vẫn cố tình không trả. Khoản vay này do một mình ông P đứng ra ký vay, nhận tiền và thỏa thuận với bà H, không liên quan gì đến gia đình ông P. Vì vậy, bà H yêu cầu ông P có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay gốc là 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*) và không yêu cầu ông P phải trả tiền lãi.

Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 11 Điều 114, Điều 126 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đối với tài sản của ông P là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 492(H63), tờ bản đồ số 70, diện tích 118,8 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 6548XX do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/8/2012. Ngày 02/02/2023 Tòa án đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 11 Điều 114, Điều 126 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đối với ông P. Nay bà H yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời trên.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Trung P trình bày như sau: Ông P đồng ý với ý kiến của bà H về số tiền vay, về lãi suất và thời hạn vay. Ngày 05/01/2022 ông P có vay của bà H số tiền 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*), khi vay các bên có lập Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của ông P. Ông P và bà H thỏa thuận: thời hạn vay từ ngày 05/01/2022 đến ngày 15/10/2022, lãi suất 5.000.000 đồng/tháng, trả lãi hàng tháng. Ông P đã trả cho bà H được 8 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Đến thời hạn trả nợ nhưng do kinh tế khó khăn nên ông P không có khả năng trả nợ được cho bà H. Khoản vay này do ông P đứng ra vay dùng vào mục đích cá nhân không liên quan đến gia đình ông P. Bà H khởi kiện thì ông P có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay gốc là 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*).

Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Bà H yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 11 Điều 114, Điều 126 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đối với tài sản là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 492(H63), tờ bản đồ số 70, diện tích 118,8 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 6548XX do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/8/2012 thì ông P đồng ý và không có ý kiến gì.

Qua bạn bè giới thiệu ông P được biết ông Chu Anh D có cho vay tiền thế chấp bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên ngày 10/01/2023 ông P dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 6548XX do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/8/2012 thế chấp để vay của ông D số tiền 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*). Sau đó khi chưa có sự đồng ý của ông P thì ông D đã tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Nguyễn Đình H1. Nay ông P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền vay giữa ông P và ông D cũng như không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 6548XX mà ông P đã thế chấp cho ông D, ông D đã chuyển nhượng cho ông H1 trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H1 trình bày như sau:

Ngày 11/01/2023 ông H1 có nhận chuyển nhượng của ông P quyền sử dụng đất thửa đất số 492(H63), tờ bản đồ số 70, diện tích 118,8 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 6548XX do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/8/2012 cho ông Nguyễn Trung V, đăng ký biến động tặng cho ông Nguyễn Trung P ngày 04/7/2018. Ông H1 đã thanh toán cho ông P số tiền 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*) theo thỏa thuận chuyển nhượng. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông H1 nộp hồ sơ đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để thực hiện việc đăng ký sang tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên sau đó ông H1 nhận được thông báo về việc bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 11 Điều 114, Điều 126 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đối với tài sản mà ông H1 nhận chuyển nhượng của ông P. Ông H1 đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Ông H1 xác định đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H1 và ông P thì ông H1 sẽ khởi kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng một vụ án độc lập.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Anh D trình bày như sau:

Ngày 10/01/2023 ông D là người được ông Nguyễn Trung P ủy quyền hợp pháp đại diện cũng như thay mặt ông P thực hiện chuyển nhượng, đặt cọc, tặng cho, cho thuê, cầm cố, góp vốn, thỏa thuận hợp tác kinh doanh, vay vốn tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và các quyền đại diện khác theo hợp đồng ủy quyền được công chứng đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 492(H63), tờ bản đồ số 70, diện tích 118,8 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 6548XX do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/8/2012 cho ông Nguyễn Trung V, đăng ký biến động tặng cho ông Nguyễn Trung P ngày 04/7/2018. Sau đó ông D thay

mặt đại diện theo ủy quyền cho ông P chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho ông Nguyễn Đình H1 với giá chuyển nhượng là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*). Ông H1 đã thanh toán đầy đủ cho ông D số tiền trên và ông D cũng đã thanh toán, bàn giao đầy đủ số tiền trên theo hợp đồng ủy quyền cho ông P. Ông P cũng đã đồng ý và không có ý kiến gì thêm. Trong quá trình chuyển nhượng sang tên cho ông H1 thì phát sinh việc ông P có vay của bà H và bà H yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản trên làm ảnh hưởng trực tiếp tới tài sản mà ông H1 nhận chuyển nhượng hợp pháp. Vì vậy ông D đề nghị giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng bà Nguyễn Thị H2 trình bày như sau:

Bà H2 có quen biết với bà Lê Thị H vì cùng kinh doanh bất động sản với nhau. Ngày 05/1/2022 bà H2 có làm chứng việc bà H cho ông P vay số tiền 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*) tiền mặt tại nhà ông P. Các bên có làm biên bản thỏa thuận viết tay với nhau và bà H có giao cho ông P số tiền 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*).

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 138, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

Buộc ông Nguyễn Trung P phải trả cho bà Lê Thị H số tiền vay gốc là 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*).

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn ông Nguyễn Trung P cư trú tại địa chỉ số XX đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về trình tự thủ tục: Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Trung P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Anh D và người làm chứng bà Nguyễn Thị H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Trung P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Anh D và người làm chứng bà Nguyễn Thị H2.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông P phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay gốc là 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*). Bà H cung cấp chứng cứ là Giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2022, nội dung ông P có mượn của bà H số tiền 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*) và có chữ ký xác nhận của ông P, thời hạn vay từ ngày 05/01/2022 đến ngày 15/10/2022. Quá trình giải quyết vụ án ông P thừa nhận có vay của bà H số tiền 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*) và chưa trả cho bà H. Do đó có căn cứ xác định ông P có vay của bà H số tiền gốc 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*) nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cần buộc ông P trả cho bà H số tiền vay gốc là 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*).

[3.2] Về lãi suất: Bà H và ông P xác định khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất 5.000.000 đồng/tháng (*Năm triệu đồng trên tháng*), trả lãi hàng tháng. Ông P đã trả cho bà H được 8 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) tương ứng lãi suất 0,1%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi suất là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với việc ông P cho rằng ngày 10/01/2023 ông P dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 492(H63), tờ bản đồ số 70, diện tích 118,8 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 6548XX do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/8/2012 cho ông Nguyễn Trung V, đăng ký biến động tặng cho ông Nguyễn Trung P ngày 04/7/2018 để vay của ông D số tiền 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*). Sau đó khi chưa có sự đồng ý của ông P thì ông D đã tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 492(H63) nêu trên cho ông Nguyễn Đình H1. Nay ông P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền vay giữa ông P và ông Chu Anh D cũng như không yêu cầu Tòa án giải quyết đối

với quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 6548XX mà ông P đã thế chấp cho ông D, ông D đã chuyển nhượng cho ông H1 trong vụ án này. Ông H1 xác định đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H1 và ông P thì ông H1 sẽ khởi kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng một vụ án độc lập. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Bà H yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 11 Điều 114, Điều 126 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đối với tài sản của ông Nguyễn Trung P. Ngày 02/02/2023 Tòa án đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 11 Điều 114, Điều 126 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đối với tài sản của ông Nguyễn Trung P là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 492(H63), tờ bản đồ số 70, diện tích 118,8 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 6548XX do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/8/2012 cho ông Nguyễn Trung V, đăng ký biến động tặng cho ông Nguyễn Trung P ngày 04/7/2018.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời, ông H1 yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng = 113.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 138, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

Buộc ông Nguyễn Trung P phải trả cho bà Lê Thị H số tiền vay gốc là 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Về án phí: Ông Nguyễn Trung P phải chịu số tiền 113.000.000 đồng (*Một trăm mười ba triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí 56.500.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000140 ngày 01 tháng 02 năm 2023 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. B;
- Đương sự;
- Lưu Hồ Sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My